

Số: 05/2018/TTLT-BCA-
VKSNDTC-TANDTC

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2018

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
**Quy định về việc phối hợp thông báo, gửi, cung cấp thông tin,
tài liệu liên quan đến người phạm tội**

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011;

*Để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự,
góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm;*

*Bộ trưởng Bộ Công an, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và
Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên tịch quy định về
việc phối hợp thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người
phạm tội.*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định việc thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội, bao gồm: những thông tin, tài liệu phản ánh về lý lịch, đặc điểm nhận dạng, nhân thân, kết quả khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự và các thông tin, tài liệu khác có liên quan đến người phạm tội; trách nhiệm, thủ tục, thời hạn thông báo, gửi, cung cấp các thông tin, tài liệu đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này áp dụng đối với các cơ quan trong Công an nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội.

Điều 3. Nguyên tắc thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội

1. Thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội phải được thông báo, gửi đầy đủ kịp thời, chính xác, tập trung cho Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ

của ngành Công an; việc cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan tiến hành tố tụng phải được thực hiện kịp thời, đầy đủ, chính xác để quản lý, khai thác, phục vụ công tác khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.

2. Bảo đảm đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; pháp luật về lưu trữ.

3. Thông tin, tài liệu được thông báo, gửi, cung cấp chỉ được sử dụng vào mục đích phục vụ công tác khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.

Chương II

THÔNG TIN, TÀI LIỆU ĐƯỢC THÔNG BÁO, GỬI, CUNG CẤP

Điều 4. Các loại thông tin, tài liệu Cơ quan điều tra các cấp trong Công an nhân dân, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm thông báo, gửi cho Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ của ngành Công an

1. Quyết định tạm giữ; quyết định gia hạn tạm giữ;
2. Quyết định khởi tố bị can; quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can; quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can;
3. Lý lịch bị can;
4. Lệnh bắt bị can để tạm giam; lệnh tạm giam;
5. Quyết định tạm hoãn xuất cảnh;
6. Quyết định hủy bỏ; thay thế biện pháp tạm giữ, tạm giam, tạm hoãn xuất cảnh bằng biện pháp ngăn chặn khác;
7. Quyết định trả tự do;
8. Quyết định đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can; quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can; quyết định phục hồi điều tra vụ án đối với bị can;
9. Quyết định truy nã; quyết định đình nã;
10. Kết luận điều tra; kết luận điều tra bổ sung.

Đối với các lệnh, quyết định mà Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định phải có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát thì phải gửi kèm theo quyết định phê chuẩn của Viện kiểm sát.

Điều 5. Các loại thông tin, tài liệu Viện kiểm sát nhân dân có trách nhiệm thông báo, gửi cho Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ của ngành Công an

1. Lệnh tạm giam; quyết định gia hạn tạm giam; lệnh bắt bị can để tạm giam;
2. Quyết định khởi tố bị can; quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can; quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can;
3. Quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ; quyết định hủy bỏ biện pháp tạm giam; quyết định hủy bỏ biện pháp tạm hoãn xuất cảnh;
4. Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh;
5. Cáo trạng; quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn;
6. Quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can; quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can; quyết định phục hồi vụ án đối với bị can.

Điều 6. Các loại thông tin, tài liệu Tòa án nhân dân có trách nhiệm thông báo, gửi cho Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ của ngành Công an

1. Quyết định tạm giam;
2. Quyết định hủy bỏ biện pháp tạm giam; quyết định thay thế biện pháp tạm giam;
3. Bản án hình sự sơ thẩm;
4. Bản án hình sự phúc thẩm;
5. Quyết định hình sự giám đốc thẩm;
6. Quyết định hình sự tái thẩm;
7. Quyết định thi hành án phạt tù;
8. Quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù;
9. Quyết định miễn chấp hành án phạt tù;
10. Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù;
11. Quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù;
12. Quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện; quyết định hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện;
13. Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; quyết định đình chỉ thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh;
14. Quyết định xóa án tích;

